TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/DS-PT
Ngày: 18-5-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Trần Tấn Quốc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Chiêu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Bảo T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số G khóm H, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số D Quốc lộ A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Theo Văn bản ủy quyền ghi ngày 17/12/2021).

2. Bị đơn: Ông Võ Hoài P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số E ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số G khóm H, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Bảo T.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2021 của nguyên đơn ông Võ Bảo T và các văn bản trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Hoàng Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày như sau:

Ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 238, tờ bản đồ số 14, diện tích 808m^2 tại xã L, huyện T, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất ông T được thừa kế của cha là ông Võ Văn Đ, không được đo đạc thực tế. Vào ngày 24/8/2020 ông T về thăm đất thì thấy ông Võ Hoài P chặt cây làm cỏ, trồng mai, trồng khóm chiếm hết phần mặt tiền đất của ông có chiều ngang 14m, dài khoảng 7m, diện tích khoảng 98m^2. Trên thửa 238 ông T trồng tràm bông vàng. Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 81 của Công ty đo đạc T, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt ngày 24/5/2021, ông P thống nhất. Theo bản vẽ thì ông P đã lấn chiếm đất của ông T nên yêu cầu ông P phải trả lại khu B diện tích 91,6m^2, khu C diện tích 148,4m^2, khu D diện tích 33,8m^2. Đồng thời ông P phải bứng tất cả các loại cây mai, khóm dời đi nơi khác.

2. Bị đơn ông Võ Hoài P trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa như sau:

Ông P thống nhất với bản vẽ ngày 24/5/2021 và Chứng thư thẩm định giá của Công ty V. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông Võ Bảo T yêu cầu ông trả lại khu B, C, D. Ngay từ khi khởi kiện và hòa giải tại Uỷ ban nhân dân xã L thì ông T cho rằng ông lấn chiếm đất mặt tiền thuộc thửa 189. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 192, diện tích 882m^2 tại Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Thửa đất này là tài sản riêng của ông được bà nội là Lê Thị N tặng cho vào năm 2020, không đo đạc thực tế, hiện tại ông còn độc thân. Phía trước thửa 238 là thửa 189 là đất của bà Lê Thị N cho bà Võ Thị N1 cất nhà ở từ năm 1997. Tại thời điểm bà N1 cất nhà ở thì không có lộ làng, chỉ có cái bờ kênh xáng ông Cả. Năm 2007 nhà nước có kế hoạch làm lộ làng thì bà N1 dọn đi nơi khác ở, bà N1 cho lại ông toàn bộ diện tích đất, ông trực tiếp trồng mai, trồng khóm trên diện tích đất này. Năm 2019 nhà nước và dân tiến hành làm lộ làng có chiều ngang 6m, thửa 189 ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản vẽ thì khu B có diện tích 91,6m^2 ông trồng 15 cây mai được 10 tháng; khu C có diện tích 148,4m^2 ông trồng 20 cây mai; khu D có diện tích 33,8m^2 ông trồng 5 cây mai. Trường hợp Hội đồng xét xử buộc ông giao khu B, C, D cho ông T thì ông tự nguyện bứng di dời toàn bộ cây mai và các loại cây trồng khác, không yêu cầu Tòa án định giá. Ông xác định không lấn chiếm đất của ông Võ Bảo T, bản vẽ ngày 24/5/2021 không thể hiện có thửa 189 thì ông không biết.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 08/11/2021 như sau:

Bà là cô ruột của Võ Hoài P và là con gái ruột của bà Lê Thị N. Vào năm 1997 bà được bà Lê Thị N cho diện tích đất cất nhà ở thuộc thửa nào không nhớ có chiều ngang 6m, dài 10m, bà cất nhà kê tán sát rạch ông Cả. Tại thời điểm này chưa có lộ làng mà chỉ có một bờ sáng cặp kênh rạch, không đổ đá, bà bang lộ bờ sáng làm cái sân. Năm 2007, do đất bà được giải tỏa lộ N2 nên bà dỡ nhà đi trả lại đất cho mẹ, giao cho Võ Hoài P quản lý sử dụng. Bà với chồng đã ly hôn từ năm 1993, lúc nhà nước làm lộ làng 6m thì nền nhà vẫn còn chiều dài 7m, chiều ngang không biết. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điều 26 điều 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ các điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 26, 27, 28 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Bảo T về việc yêu cầu ông Võ Hoài P trả lại các khu đất.

Buộc ông Võ Hoài P phải trả lại khu B có diện tích 91,6m^2 cho ông Võ Bảo T. Buộc ông Võ Hoài P phải bứng 15 gốc mai và chặt đốn tất cả các loại cây trồng trên đất thuộc khu B có diện tích 91,6m^2 để trả lại đất cho ông Võ Bảo T theo bản trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất T đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt ngày 24/5/2021 có vị trí tứ cận:

+ Đông giáp bờ kênh ông Cả.

+ Tây giáp thửa 237, 192 (PCL) hộ Võ Văn V, Võ Hoài P.

+ Nam giáp Bến nước.

+ Bắc giáp thửa số 192(PCL) hộ Võ Hoài P.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Bảo T về việc yêu cầu ông Võ Hoài P trả lại khu C diện tích 148,4m^2, Khu D diện tích 33,8m^2 theo mảnh trích theo bản trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất T đo vẽ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt ngày 24/5/2021.

2. Về lệ phí tố tụng (chi phi đo đạc định giá) là 26.000.000 đồng, ông T đã nộp xong 26.000.000 đồng, ông T phải chịu 13.000.000 đồng. Buộc ông P phải hoàn trả cho ông T số tiền 13.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Hoài P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.135.840 đồng. Ông Võ Bảo T phải chịu 2.259.280 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T nộp ngày 16/11/2020 biên lai thu số 0007534, số tiền 1.130.000 đồng nộp ngày 08/11/2021 biên lai thu số 0002061 tại Chi cục

Thi hành án huyện T, tỉnh Long An sang án phí. Ông T phải nộp thêm 829.000 đồng.

Từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì ông P phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 28/6/2022, ông Hoàng Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Bảo T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn tại vị trí khu C1, C2, D theo Mảnh trích đo địa chính và buộc bị đơn di dời cây trồng ra khỏi diện tích đất trên.

Ngày 11/7/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 93/QĐ-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 51/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí vì ông T khởi kiện yêu cầu ông P trả lại phần đất lấn chiếm tại khu B diện tích 91,6m^2, khu C diện tích 148,4m^2 (phân khu thành C1, C2), khu D diện tích 33,8m^2, đồng thời ông P phải di dời các loại cây mai, khóm đi nơi khác. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm và Tòa án chỉ xem xét phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ai. Do đó các đương sự chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông P chịu án phí có giá ngạch là 1.135.840 đồng, ông T chịu án phí 2.259.280 đồng là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn T1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn tại vị trí khu C1, C2, D theo Mảnh trích đo địa chính và buộc bị đơn di dời cây trồng ra khỏi diện tích đất trên. Ông Truyền thống nhất với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về sửa án phí.

Ông Võ Hoài P đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về tranh chấp quyền sử dụng đất. Ông P không đồng ý đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn vì phần đất tại khu C1, C2, D nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Ông P thống nhất với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An về việc sửa án phí từ có giá ngạch sang không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định

kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa án thu thập và các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông P trả lại cho ông T khu B có diện tích 91,6m^2, thuộc một phần thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, đất tại ấp 1, xã Long Thanh, huyện T, tỉnh Long An; buộc ông P bứng 15 gốc mai và chặt đốn tất cả các cây trồng trên đất thuộc khu B để trả lại đất cho ông T là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng như hướng dẫn tại khoản 2 Điều 24 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An được thực hiện đúng quy định tại Điều 272 và 278, 279 Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bích P đã được tống đạt thủ tục hợp lệ hai lần; bà Võ Thị N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phượng và bà N1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, diện tích 808m^2, loại đất trồng cây lâu năm tại Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An có nguồn gốc của cha ông T là ông Võ Văn Đ (chết năm 2010); ông T được nhận thừa kế theo Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/11/2014, được công chứng tại Văn phòng công chứng T, tại thời điểm đó không có đo đạc thực tế. Ngày 09/12/2014, ông Võ Bảo T được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2] Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 14, diện tích 882m^2, loại đất trồng cây lâu năm tại Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An có nguồn gốc của ông bà ông P, ông P được bà nội là bà Lê Thị Ntặng cho vào ngày 27/10/2019 (theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 07/01/2020, tại thời điểm đó không có đo đạc thực tế. Ngày 12/02/2020, ông Võ Hoài P được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Liền kề thửa đất số 238 của ông Võ Bảo T là thửa đất số 192 của ông Võ Hoài P.

[3.3] Do không sinh sống tại địa phương, thỉnh thoảng ông T mới về thăm đất. Ngày 24/8/2020 ông T về thăm đất thì phát hiện ông P và gia đình đã chặt cây, làm cỏ, cắm mốc, trồng cây một khoảng đất chắn hết mặt tiền đất của ông T nên ông T khởi kiện yêu cầu ông P trả lại khu B có diện tích 91,6m^2; khu C có diện tích 148,4m^2; khu D có diện tích 33,8m^2 theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất T đo, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt ngày 24/5/2021. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Bảo T. Buộc ông Võ Hoài P trả lại khu B có diện tích 91,6m^2 cho ông T. Buộc ông P bứng 15 gốc mai và chặt đốn tất cả các loại cây trồng trên đất thuộc khu B có diện tích 91,6m^2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông P trả lại khu C diện tích 148,4m^2, khu D diện tích 33,8m^2. Ông Võ Bảo T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn tại vị trí khu C1, C2, D theo Mảnh trích đo địa chính (nêu trên) và buộc bị đơn di dời cây trồng ra khỏi diện tích đất trên.

[3.4] Ngày 11/7/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 93/QĐ-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 51/2022/DS-ST ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[4] Xét kháng cáo của ông Võ Bảo T, thấy rằng:

[4.1] Tại văn bản số 3023/UBND-NC ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung: Ngày 27/9/1996, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số I 247589 cho ông Võ Văn Đ (cha ông T), trong đó có thửa số 238, tờ bản đồ số 14, diện tích 808m^2 đất trồng cây lâu năm. Quá trình kê khai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đời căn cứ vào bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế. Năm 2010, ông Đời chết, thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất được lập cho các con. Ông Võ Bảo T nhận thừa kế thửa đất số 238, tờ bản đồ số 14, diện tích 808m^2, loại đất trồng cây lâu năm theo Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 21/11/2014. Ngày 09/12/2014, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 056651 cho ông Võ Bảo T đối với thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[4.2] Ngày 23/5/1997, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số K 601603 cho bà Lê Thị N, trong đó có thửa số 192, tờ bản đồ số 14, diện tích 882m^2, đất trồng cây lâu năm. Quá trình kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nữ căn cứ vào bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế. Ngày 27/10/2019, bà Lê Thị Ntặng cho vào ông P thửa đất trên, theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 07/01/2020. Ngày 12/02/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 620626 cho ông Võ Hoài P đối với thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[4.3] Theo ranh bản đồ địa chính thì khu B có diện tích 91,6m^2, loại đất CLN thuộc thửa 238 (mpt) do ông Võ Bảo T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ranh bản đồ địa chính thì khu C (phân khu thành C1, C2), khu D thuộc mpt 192 do ông Võ Hoài P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Năm 2019 Nhà nước tiến hành làm lộ làng cũng không xác định là có lấy thêm một phần diện tích đất của thửa 238 hay không. Năm 1996, ông Đời được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu chỉ căn cứ vào bản đồ địa chính, không có đo đạc. Năm 2014, ông T nhận thừa kế từ ông Đời thửa 238 cũng không có đo đạc thực tế. Do vậy thửa đất 238 của ông T bị thiếu không có nghĩa là ông P lấn chiếm đất. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với khu B là có căn cứ.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí đối với nguyên đơn và bị đơn từ có giá ngạch sang không có giá ngạch, thấy rằng:

Ông Võ Bảo T khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Võ Hoài P. Đây là trường hợp tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm sửa về phần án phí cho phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Bảo T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Bảo T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An về án phí.

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 156, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 26, 27, 28 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Bảo T về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Võ Hoài P.

1.1. Buộc ông Võ Hoài P trả lại khu B có diện tích 91,6m^2, loại đất CLN thuộc một phần thửa 238, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An cho ông Võ Bảo T. Buộc ông Võ Hoài P bứng 15 gốc mai và chặt đốn tất cả các loại cây trồng trên đất thuộc khu B để trả lại đất cho ông Võ Bảo T theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất T đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt ngày 24/5/2021 có vị trí tứ cận:

+ Đông giáp bờ kênh ông Cả.

+ Tây giáp thửa 237, 192 (PCL) hộ Võ Văn V, Võ Hoài P.

+ Nam giáp Bến nước.

+ Bắc giáp thửa số 192(PCL) hộ Võ Hoài P.

1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Bảo T về việc yêu cầu ông Võ Hoài P trả lại khu C diện tích 148,4m^2, khu D diện tích 33,8m^2 theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất T đo vẽ, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T phê duyệt ngày 24/5/2021.

2. Về lệ phí tố tụng (chi phí đo đạc, định giá) là 26.000.000 đồng, ông T đã nộp xong. Ông T và ông P mỗi người phải chịu 13.000.000 đồng. Buộc ông P phải nộp hoàn trả cho ông T số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Võ Hoài P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghì đồng).

3.2. Ông Võ Bảo T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T nộp ngày 16/11/2020 theo biên lai thu số 0007534 tại Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Long An sang án phí. Ông T được hoàn lại số tiền 1.130.000 đồng nộp ngày 08/11/2021 biên lai thu số 0002061 của Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Long An.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm là 1.900.000 đồng, ông Võ Bảo T phải chịu. Ông T đã nộp và chi phí xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Bảo T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002537 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Ngọc Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Những Huỳnh Thị Hồng Vân **Đinh Thị Ngọc Yến**